



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00508/2025/PKQ (265.01W2501.0586)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ KS_15C- Vĩnh Quỳnh
 Loại mẫu : Nước sạch
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
 Số lượng mẫu : 01
 Thời gian lấy mẫu : 16/01/2025
 Thời gian thử nghiệm : 16/01/2025 - 23/01/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,49	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: - KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2501.0586: Tủ đồng hồ KS_15C- Vĩnh Quỳnh

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00507/2025/PKQ (265.01W2501.0585)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ KH - KĐT Đại Thanh2- KĐT Đại Thanh Đường Kim Giang
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 16/01/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/01/2025 - 23/01/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,46	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: - KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2501.0585: Tủ đồng hồ KH - KĐT Đại Thanh2- KĐT Đại Thanh Đường Kim Giang

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00506/2025/PKQ (265.01W2501.0584)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ KH - Bất Động Sản Thanh Trì- Ngõ 908 Đ. Kim Giang (Thanh Liet)
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 16/01/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/01/2025 - 23/01/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 CI G: 2023	0,51	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,37	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2501.0584: Tủ đồng hồ KH - Bất Động Sản Thanh Trì- Ngõ 908 Đ. Kim Giang (Thanh Liet)

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00505/2025/PKQ (265.01W2501.0583)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/ quan trắc : Tủ đồng hồ KH - HTX_TanTrieu_1- Ngõ 300, Nguyễn Xiển
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
: TT 0,1L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 16/01/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/01/2025 - 23/01/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,51	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,37	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2501.0583: Tủ đồng hồ KH - HTX_TanTrieu_1- Ngõ 300, Nguyễn Xiển

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2025



Đỗ Văn Mạnh